

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2020/DS-PT

Ngày: 06/7/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự về  
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt.

Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Yến Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 181/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 183/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987 – Đại diện hợp pháp hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồng N.

Địa chỉ: số 783/2 ấp 2, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968.

- Bà Cao Thị Phương D, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện N, tỉnh Bến Tre.

(Bà D ủy quyền cho ông M tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 07/01/2020).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện N, tỉnh Bến Tre.

(Bà T ủy quyền cho chị N tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2019, ngày 25/6/2020).

- **Người kháng cáo:** ông Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án.  
(Các đương sự có mặt tại Tòa)

### **NỘI D VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm:*

*Tại đơn khởi kiện, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T là chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

Chị N là người đại diện hợp pháp của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồng N, tọa lạc tại ấp An Trạch Đông, xã B, huyện N, tỉnh Bến Tre. Đối với hoạt động kinh doanh thì do mẹ ruột của chị N là bà Phạm Thị T thay mặt chị trao đổi, tiến hành việc mua bán thức ăn chăn nuôi. Vào năm 2015, bà T và ông M, bà D có thỏa thuận bà T sẽ giao thức ăn chăn nuôi heo cho ông M, bà D. Theo thỏa thuận thì ông M, bà D sẽ thanh toán tiền mua thức ăn chăn nuôi theo từng đợt khi bán heo (xuất chuồng), thông thường là sáu tháng một lần. Quá trình thực hiện, mỗi lần bán heo thì ông M, bà D có thanh toán tiền nhưng không đầy đủ. Đến ngày 10/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 06/4/2017 dương lịch) hai bên tổng kết nợ thì ông M, bà D còn nợ số tiền 210.000.000 đồng. Kể từ ngày 10/3/2017 âm lịch thì chị N không giao thức ăn chăn nuôi cho ông M, bà D nữa. Sau đó, ngày 08/3/2018 âm lịch, ông M, bà D có trả được số tiền 10.000.000 đồng và ngày 26/12/2018 âm lịch, ông M, bà D có trả 2.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 198.000.000 đồng. Chị N đã nhiều lần yêu cầu ông M, bà D thanh toán số tiền còn nợ nhưng ông M, bà D không thực hiện. Nay chị N yêu cầu ông M, bà D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 198.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ ngày 10/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 06/4/2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

*Tại bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn M đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Phương D trình bày:*

Ông và bà D có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo do bà T trực tiếp bán, nội D thỏa thuận giữa hai bên như chị N đã trình bày. Năm 2017, việc chăn nuôi bị thua lỗ nên ông và bà D mới chưa thanh toán đủ tiền cho chị N. Tính đến ngày 10/3/2017 âm lịch thì ông và bà D còn nợ chị N số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 210.000.000 đồng. Sau đó, ông, bà có trả tiền được 12.000.000 đồng, chia làm hai lần trả. Ông và bà D đồng ý trả cho chị N số tiền hiện còn nợ là 198.000.000 đồng và yêu cầu được trả dần hàng tháng với mức là 500.000 đồng/tháng, không đồng ý trả tiền lãi.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:*

Căn cứ các Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị

Hồng N. Cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Cao Thị Phương D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Hồng N – đại diện hợp pháp hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồng N số nợ gốc là 198.000.000 đồng và 51.329.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/5/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Phương D - ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Ông không đồng ý trả tiền lãi cho chị N, chỉ đồng ý trả số tiền gốc mua bán thức ăn là 198.000.000 đồng; ông xin trả dần tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng và 03 tháng trả một lần vì hoàn cảnh kinh tế ông khó khăn. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

*Nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T - chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

Chị N vẫn giữ yêu cầu ông M, bà D phải trả một lần số tiền gốc là 198.000.000 đồng và tiền lãi là 51.329.000 đồng, không đồng ý việc ông M xin trả dần số tiền nợ. Chị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận việc trả dần số nợ, cũng như phía nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần và yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M và bà Cao Thị Phương D liên đới trả cho chị số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo là 198.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 09/8/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/9/2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là 0,83%/tháng. Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N buộc ông M, bà D liên đới trả cho chị N số tiền gốc là 198.000.000 đồng và 51.329.000 đồng tiền lãi.

[2] Ông M kháng cáo không đồng ý trả tiền lãi và xin được trả dần tiền gốc mỗi tháng 1.000.000 đồng và 03 tháng trả một lần. Xét thấy, hai bên có thỏa thuận

thời hạn thanh toán tiền là vào thời điểm heo xuất chuồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M thừa nhận tính đến ngày 10/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 06/4/2017 dương lịch) thì ông và bà D còn nợ chị N số tiền 210.000.000 đồng và sau đó, ông và bà D đã trả được 12.000.000 đồng, vì vậy số tiền nợ còn lại là 198.000.000 đồng. Do hai bên không còn giao dịch mua bán từ ngày 09/8/2017 âm lịch và nguyên đơn nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả lại số tiền còn nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nên tại phiên tòa sơ thẩm, chị N yêu cầu tính lãi do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 09/8/2017 âm lịch (nhằm ngày 28/9/2017 dương lịch), với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N vẫn giữ yêu cầu ông M, bà D phải trả một lần số tiền gốc là 198.000.000 đồng và tiền lãi là 51.329.000 đồng, không đồng ý việc ông M xin trả dần số tiền nợ. Việc ông M yêu cầu trả dần số nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị N. Do đó, kháng cáo của ông M không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 05/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ các Điều 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Cao Thị Phương D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Hồng N – đại diện hợp pháp hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồng N số nợ gốc là 198.000.000đ (Một trăm chín mươi tám triệu đồng) và 51.329.000đ (Năm mươi một triệu ba trăm hai mươi chín ngàn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## *2. Về án phí:*

### *- Án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng N – đại diện hợp pháp hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.188.000đ (Sáu triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008051 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

+ Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Cao Thị Phương D có nghĩa vụ liên đới nộp 12.466.500đ (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### *- Án phí dân sự phúc thẩm:*

Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010476 ngày 20/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện N (1b);
- Chi cục THADS huyện N (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Phận**